

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~7562~~/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**về việc Ban hành 05 Bộ chỉ số đánh giá mức độ sẵn sàng**  
**về ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BTTTT ngày 07/3/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ Báo cáo định kỳ về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành 05 Bộ chỉ số đánh giá mức độ sẵn sàng về ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế (có danh mục 05 Bộ chỉ số đánh giá mức độ sẵn sàng về ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các ông, bà Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục, Tổng cục trưởng Tổng cục dân số Kế hoạch hóa gia đình, các đơn vị trực thuộc, Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ trưởng để (b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu: VT, CNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
  
**Lê Quang Cường**

**DANH MỤC**

**Về việc Ban hành 05 Bộ chỉ số đánh giá mức độ sẵn sàng  
về ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

<b>Stt</b>	<b>Tên 05 Bộ chỉ số</b>
1	Tiêu chí và cách tính điểm HII các cơ quan thuộc Bộ Y tế
2	Tiêu chí và cách tính điểm HII các Sở Y tế
3	Tiêu chí và cách tính điểm HII các trường đại học, cao đẳng
4	Tiêu chí và cách tính điểm HII các viện và trung tâm
5	Tiêu chí và cách tính điểm HII các bệnh viện, viện có giường bệnh

## PHỤ LỤC 1

### TIÊU CHÍ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM HII CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</b>		<b>100</b>	
1.1	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được trang bị máy tính	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.2	Tỷ lệ các máy tính kết nối internet	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.3	Tỷ lệ các máy tính được trang bị phần mềm diệt virus	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.4	Đơn vị có mạng cục bộ (LAN)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
1.5	Đơn vị có mạng kết nối với các đơn vị trực thuộc	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.6	Hệ thống an toàn bảo cháy, nổ cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.7	Hệ thống an toàn chống sét cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.8	Hệ thống an toàn dữ liệu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.9	Hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.10	Thuê dịch vụ về hạ tầng, trong đó:	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	15	
-	Máy chủ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Máy trạm	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Bảo trì hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Đặt chỗ cho trang/công thông tin điện tử	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Đặt chỗ cho thư điện tử chính thức	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
<b>II</b>	<b>Ứng dụng phục vụ quản lý và điều hành</b>		<b>250</b>	
2.1	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.2	Ứng dụng chữ ký số	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.3	Quản lý nhân sự	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	25	
2.4	Quản lý đề tài khoa học - công nghệ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
2.5	Quản lý kế toán - tài chính	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	25	
2.6	Quản lý tài sản	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
2.7	Quản lý thanh tra, khiếu nại, tố cáo	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	20	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
2.8	Thư điện tử chính thức của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	40	
-	<i>Tỉ lệ CBCCVC được cấp hộp thư</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa</i>	20	
-	<i>Tỉ lệ CBCCVC dùng hàng ngày</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa</i>	20	
2.9	Tin học hóa tiếp nhận và xử lý hồ sơ tại bộ phận một cửa	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	20	
2.10	Hệ thống hội nghị truyền hình	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	10	
2.11	Kết nối và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	10	
III	<b>Ứng dụng phục vụ chuyên ngành</b>		<b>200</b>	
3.1	<b>Trang/Cổng thông tin điện tử</b>		140	
3.1.1	Cung cấp và cập nhật thông tin	Tổng điểm các thành phần	21	
-	<i>Tin tức, sự kiện</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Thông tin chỉ đạo, điều hành</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Văn bản pháp luật và quản lý hành chính</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Báo cáo thống kê</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
3.1.2	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	<i>Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện.</i>	- <i>Có cung cấp: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
-	<i>Kết quả các chương trình, đề tài sau nghiệm thu: báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai.</i>	- <i>Có cung cấp: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
3.1.3	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	<i>Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, đã triển khai, đã hoàn tất.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
-	<i>Thông tin dự án: tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
3.1.4	Các chức năng hỗ trợ khai thác thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	21	
-	<i>Tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các tổ chức, cá nhân</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Mục Trao đổi – Hỏi đáp</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Hỗ trợ người khuyết tật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ đa phương tiện</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Hỗ trợ thiết bị di động cầm tay</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Cho phép tổ chức, cá nhân đánh giá và xếp hạng</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Theo dõi quá trình xử lý dịch vụ công trực tuyến</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
3.1.5	Chức năng hỗ trợ cho từng mục thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	16	
-	<i>Cho phép tải về văn bản quy phạm pháp luật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Cho phép đọc được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thông qua liên kết</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm..</i>	2	
-	<i>Công cụ tìm kiếm riêng cho các văn bản quy phạm pháp luật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ tìm kiếm, tra cứu thuận tiện các dịch vụ công trực tuyến trên trang/cổng</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ đếm số lần truy cập</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm..</i>	2	
-	<i>Chức năng hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công từ mức độ 3 trở lên</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
3.1.6	Công tác tổ chức Bảo đảm an toàn thông tin cho trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	24	
-	<i>Cơ chế xác thực, cấp phép truy cập, mã hóa thông tin, dữ liệu cho việc truy cập cần phải định danh</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Thông báo trên Trang chủ về chính sách bảo đảm an toàn thông tin cá nhân</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu (tối thiểu 01 lần/tuần)</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn thông tin</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Chính sách, thủ tục, quy trình giám sát các khâu tạo lập, xử lý và hủy bỏ dữ liệu</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Quy trình lưu trữ nhật ký (logfile) của hệ thống</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
-	Quy trình quản lý, kiểm tra việc truy cập hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Hệ thống có xảy ra sự cố không?	Có: 50% điểm tối đa Không: điểm tối đa	3	
3.1.7	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	Kiểm tra trực tiếp và cho điểm đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 cung cấp trên Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan.	22	
-	Dịch vụ công trực tuyến (1,2,3,4)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
-	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3/tổng số DVCTT	Điểm chấm = (Tỷ lệ/60%) x điểm tối đa	10	Từ 60% trở lên được điểm tối đa
-	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 /tổng số DVCTT	Điểm chấm = (Tỷ lệ/10%) x điểm tối đa	10	Từ 10% trở lên được điểm tối đa
3.1.8	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến khác	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
3.1.9	Công tác tổ chức quản trị	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	10	
-	Quy chế quản lý, vận hành, duy trì	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
-	Thành lập ban biên tập	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
<b>3.2</b>	<b>Hệ thống báo cáo</b>		<b>50</b>	
3.2.1	Hệ thống báo cáo trực tuyến	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
3.2.2	Phương thức báo cáo	Tổng điểm các thành phần	10	
-	Bằng giấy	Không tính điểm		
-	Gửi file	Điểm chấm = 70% x điểm tối đa	3	
-	Kết hợp	Điểm chấm = 50% x điểm tối đa	2	
-	Trực tuyến	Điểm chấm = 100% điểm tối đa	5	
3.2.3	Cấp độ báo cáo		20	
-	Từ xã	Điểm chấm = 100% điểm tối đa	10	
-	Từ huyện	Điểm chấm = 70% x điểm tối đa	5	
-	Từ tỉnh/thành phố	Điểm chấm = 50% x điểm tối đa	5	
<b>3.3</b>	<b>Các hệ thống ứng dụng khác</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	<b>10</b>	
<b>IV</b>	<b>Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin</b>		<b>100</b>	
4.1	Nội quy, quy chế về việc bảo đảm an toàn thông tin cá nhân áp dụng cho CBCCVC trong nội bộ cơ quan.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.2	Giải pháp bảo vệ, ngăn chặn và phát hiện sớm việc truy cập trái phép vào mạng máy tính hay thiết bị lưu trữ dữ liệu.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.3	Cài đặt các ứng dụng bảo vệ như hệ thống diệt virus hay hệ thống phòng, chống truy cập trái phép.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.4	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, nâng cấp và hủy bỏ các hạ tầng kỹ thuật.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
4.5	Chính sách phân loại, lưu trữ, bảo vệ các danh mục bí mật nhà nước về thông tin số.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.6	Nội quy bảo đảm ATAN thông tin trong cơ quan.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.7	Cán bộ phụ trách quản lý ATAN thông tin chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.8	Quy trình giám sát, hướng dẫn và kiểm tra định kỳ việc thực hiện các biện pháp bảo đảm ATAN thông tin cho toàn hệ thống.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.9	Chính sách, thủ tục quản lý việc di chuyển các thiết bị CNTT lưu trữ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.10	Sử dụng công nghệ xác thực khi truy cập hệ thống	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.11	Giải pháp quản lý truy cập máy chủ, máy trạm	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.12	Chính sách liên quan đến việc cài đặt các phần mềm mới lên máy chủ và máy trạm	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.13	Giải pháp kỹ thuật để theo dõi tình trạng lây nhiễm và loại bỏ phần mềm độc hại ra khỏi hệ thống	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.14	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và nội quy của cơ quan về ATAN thông tin cho CBCCVN	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.15	Đào tạo cán bộ chuyên sâu về ATAN thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
4.16	Tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.17	Xây dựng kế hoạch phản ứng với các sự cố an toàn, an ninh thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
4.18	Kịch bản cụ thể trong việc phối hợp xử lý sự cố ATAN thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
<b>V</b>	<b>Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin</b>		<b>110</b>	
5.1	Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 5 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.3	Gắn kết giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính	Tổng điểm thành phần	10	
-	<i>Có quy định Các quy trình, thủ tục xử lý công việc trong cơ quan phải có thể được tin học hóa</i>	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	5	
-	<i>Thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO để ứng dụng CNTT</i>	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	5	
5.4	Quy định khuyến khích ứng dụng CNTT	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.5	Quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan và các đơn vị trực thuộc	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.6	Quy định về quản lý, sử dụng hệ thống TĐT của cơ quan	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.7	Quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của cơ quan	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	



TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.8	Quy định về phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT trong đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.9	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.10	Quy định về chế độ ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.11	Quy định về các vấn đề khác liên quan đến ứng dụng CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
<b>VI</b>	<b>Nhân lực CNTT</b>		<b>140</b>	
6.1	Có đơn vị/bộ phận chuyên trách về CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	20	
6.2	Tỷ lệ CBCT về CNTT trên tổng số CBCCVV trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.3	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Tiến sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.4	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Thạc sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
6.5	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Đại học trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.6	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Cao đẳng trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	7	
6.7	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Trung cấp trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Phương pháp tính điểm</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Ghi chú</b>
6.8	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ khác trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3	
6.9	Tỷ lệ CBCT về CNTT được đào tạo nâng cao trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.10	Tỷ lệ CBCCVC được đào tạo về tin học trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
<b>VII</b>	<b>Đầu tư và các dự án</b>		<b>100</b>	
7.1	Tỷ lệ chi cho ứng dụng CNTT trên tổng ngân sách được cấp trong kỳ	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.2	Tỷ lệ chi mua sắm phần cứng trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.3	Tỷ lệ chi mua sắm, xây dựng phần mềm trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.4	Tỷ lệ chi mua sắm, thuê các dịch vụ CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.5	Tỷ lệ chi đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
7.6	Tỷ lệ chi đào tạo nâng cao trình độ tin học cho CBCCVC trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
7.7	Dự án đầu tư ứng dụng CNTT và thực hiện chế độ báo cáo được quy định trong Thông tư số 12/2010/TT-BTTTT, ngày 18/05/2010 (khuyến khích)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	<b>Tổng điểm</b>		<b>1000</b>	

## PHỤ LỤC 2

### TIÊU CHÍ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM HII CÁC SỞ Y TẾ

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</b>		<b>100</b>	
1.1	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được trang bị máy tính	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.2	Tỷ lệ các máy tính kết nối internet	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.3	Tỷ lệ các máy tính được trang bị phần mềm diệt virus	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.4	Đơn vị có mạng cục bộ (LAN)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
1.5	Đơn vị có mạng kết nối với các đơn vị trực thuộc	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.6	Hệ thống an toàn bảo cháy, nổ cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.7	Hệ thống an toàn chống sét cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.8	Hệ thống an toàn dữ liệu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.9	Hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.10	Thuê dịch vụ về hạ tầng, trong đó:	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	15	
-	Máy chủ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Máy trạm	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	3	
-	Bảo trì hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	3	
-	Đặt chỗ cho trang/cổng thông tin điện tử	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	3	
-	Đặt chỗ cho thư điện tử chính thức	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	3	
<b>II</b>	<b>Ứng dụng phục vụ quản lý và điều hành</b>		<b>250</b>	
2.1	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.2	Ứng dụng chữ ký số	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.3	Quản lý nhân sự	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	25	
2.4	Quản lý đề tài khoa học - công nghệ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
2.5	Quản lý kế toán - tài chính	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	25	
2.6	Quản lý tài sản	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
2.7	Quản lý thanh tra, khiếu nại, tố cáo	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	20	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
2.8	Thư điện tử chính thức của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	40	
-	Tỉ lệ CBCCVC được cấp hộp thư	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
-	Tỉ lệ CBCCVC dùng hàng ngày	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
2.9	Tin học hóa tiếp nhận và xử lý hồ sơ tại bộ phận một cửa	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	20	
2.10	Hệ thống hội nghị truyền hình	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	10	
2.11	Kết nối và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	10	
III	<b>Ứng dụng phục vụ chuyên ngành</b>		<b>200</b>	
3.1	<b>Trang/Cổng thông tin điện tử</b>		140	
3.1.1	Cung cấp và cập nhật thông tin	Tổng điểm các thành phần	21	
-	Tin tức, sự kiện	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
-	Thông tin chỉ đạo, điều hành	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
-	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
-	Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
-	Văn bản pháp luật và quản lý hành chính	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
-	Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
-	Báo cáo thống kê	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không cung cấp: 0 điểm.	3	
3.1.2	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện.	- Có cung cấp: điểm tối đa. - Không cung cấp: 0 điểm.	4	
-	Kết quả các chương trình, đề tài sau nghiệm thu: báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai.	- Có cung cấp: điểm tối đa. - Không cung cấp: 0 điểm.	4	
3.1.3	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, đã triển khai, đã hoàn tất.	- Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa. - Không cung cấp: 0 điểm.	4	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
-	<i>Thông tin dự án: tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
3.1.4	Các chức năng hỗ trợ khai thác thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	21	
-	<i>Tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các tổ chức, cá nhân</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Mục Trao đổi – Hỏi đáp</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Hỗ trợ người khuyết tật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ đa phương tiện</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Hỗ trợ thiết bị di động cầm tay</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Cho phép tổ chức, cá nhân đánh giá và xếp hạng</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Theo dõi quá trình xử lý dịch vụ công trực tuyến</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
3.1.5	Chức năng hỗ trợ cho từng mục thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	16	
-	<i>Cho phép tải về văn bản quy phạm pháp luật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Cho phép đọc được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thông qua liên kết</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm..</i>	2	
-	<i>Công cụ tìm kiếm riêng cho các văn bản quy phạm pháp luật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ tìm kiếm, tra cứu thuận tiện các dịch vụ công trực tuyến trên trang/cổng</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ đếm số lần truy cập</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm..</i>	2	
-	<i>Chức năng hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công từ mức độ 3 trở lên</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
3.1.6	Công tác tổ chức Bảo đảm an toàn thông tin cho trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	24	
-	<i>Cơ chế xác thực, cấp phép truy cập, mã hóa thông tin, dữ liệu cho việc truy cập cần phải định danh</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	3	
-	<i>Thông báo trên Trang chủ về chính sách bảo đảm an toàn thông tin cá nhân</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	3	
-	<i>Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu (tối thiểu 01 lần/tuần)</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	3	
-	<i>Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn thông tin</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	3	
-	<i>Chính sách, thủ tục, quy trình giám sát các khâu tạo lập, xử lý và hủy bỏ dữ liệu</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	3	
-	<i>Quy trình lưu trữ nhật ký (logfile) của hệ thống</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	3	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
-	Quy trình quản lý, kiểm tra việc truy cập hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Hệ thống có xảy ra sự cố không?	Có: 50% điểm tối đa Không: điểm tối đa	3	
3.1.7	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	Kiểm tra trực tiếp và cho điểm đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 cung cấp trên Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan.	22	
-	Dịch vụ công trực tuyến (1,2,3,4)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
-	Tỷ lệ DVCTT mức độ 3/tổng số DVCTT	Điểm chấm = (Tỷ lệ/60%) x điểm tối đa	10	Từ 60% trở lên được điểm tối đa
-	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 /tổng số DVCTT	Điểm chấm = (Tỷ lệ/10%) x điểm tối đa	10	Từ 10% trở lên được điểm tối đa
3.1.8	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến khác	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
3.1.9	Công tác tổ chức quản trị	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	10	
-	Quy chế quản lý, vận hành, duy trì	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
-	Thành lập ban biên tập	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
<b>3.2</b>	<b>Hệ thống báo cáo</b>		<b>50</b>	
3.2.1	Hệ thống báo cáo trực tuyến	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
3.2.2	Phương thức báo cáo	Tổng điểm các thành phần	10	
-	Bằng giấy	Không tính điểm		
-	Gửi file	Điểm chấm = 70% x điểm tối đa	3	
-	Kết hợp	Điểm chấm = 50% x điểm tối đa	2	
-	Trực tuyến	Điểm chấm = 100% điểm tối đa	5	
3.2.3	Cấp độ báo cáo		20	
-	Từ xã	Điểm chấm = 100% điểm tối đa	10	
-	Từ huyện	Điểm chấm = 70% x điểm tối đa	5	
-	Từ tỉnh/thành phố	Điểm chấm = 50% x điểm tối đa	5	
<b>3.3</b>	<b>Các hệ thống ứng dụng khác</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	<b>10</b>	
<b>IV</b>	<b>Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin</b>		<b>100</b>	
4.1	Nội quy, quy chế về việc bảo đảm an toàn thông tin cá nhân áp dụng cho CBCCVC trong nội bộ cơ quan.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.2	Giải pháp bảo vệ, ngăn chặn và phát hiện sớm việc truy cập trái phép vào mạng máy tính hay thiết bị lưu trữ dữ liệu.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.3	Cài đặt các ứng dụng bảo vệ như hệ thống diệt virus hay hệ thống phòng, chống truy cập trái phép.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.4	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, nâng cấp và hủy bỏ các hạ tầng kỹ thuật.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
4.5	Chính sách phân loại, lưu trữ, bảo vệ các danh mục bí mật nhà nước về thông tin số.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.6	Nội quy bảo đảm ATAN thông tin trong cơ quan.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.7	Cán bộ phụ trách quản lý ATAN thông tin chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.8	Quy trình giám sát, hướng dẫn và kiểm tra định kỳ việc thực hiện các biện pháp bảo đảm ATAN thông tin cho toàn hệ thống.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.9	Chính sách, thủ tục quản lý việc di chuyển các thiết bị CNTT lưu trữ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.10	Sử dụng công nghệ xác thực khi truy cập hệ thống	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.11	Giải pháp quản lý truy cập máy chủ, máy trạm	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.12	Chính sách liên quan đến việc cài đặt các phần mềm mới lên máy chủ và máy trạm	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.13	Giải pháp kỹ thuật để theo dõi tình trạng lây nhiễm và loại bỏ phần mềm độc hại ra khỏi hệ thống	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.14	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và nội quy của cơ quan về ATAN thông tin cho CBCCV	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.15	Đào tạo cán bộ chuyên sâu về ATAN thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
4.16	Tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.17	Xây dựng kế hoạch phản ứng với các sự cố an toàn, an ninh thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
4.18	Kịch bản cụ thể trong việc phối hợp xử lý sự cố ATAN thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
<b>V</b>	<b>Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin</b>		<b>110</b>	
5.1	Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 5 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.3	Gắn kết giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính	Tổng điểm thành phần	10	
-	<i>Có quy định Các quy trình, thủ tục xử lý công việc trong cơ quan phải có thể được tin học hóa</i>	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	5	
-	<i>Thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO để ứng dụng CNTT</i>	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	5	
5.4	Quy định khuyến khích ứng dụng CNTT	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.5	Quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.6	Quy định về quản lý, sử dụng hệ thống TĐT của Sở Y tế	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.7	Quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của Sở Y tế	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	



TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.8	Quy định về phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT trong Sở Y tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.9	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.10	Quy định về chế độ ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.11	Quy định về các vấn đề khác liên quan đến ứng dụng CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
<b>VI</b>	<b>Nhân lực CNTT</b>		<b>140</b>	
6.1	Có đơn vị/bộ phận chuyên trách về CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	20	
6.2	Tỷ lệ CBCT về CNTT trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.3	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Tiến sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.4	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Thạc sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
6.5	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Đại học trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.6	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Cao đẳng trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	7	
6.7	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Trung cấp trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Phương pháp tính điểm</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Ghi chú</b>
6.8	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ khác trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3	
6.9	Tỷ lệ CBCT về CNTT được đào tạo nâng cao trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.10	Tỷ lệ CBCCVC được đào tạo về tin học trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
<b>VII</b>	<b>Đầu tư và các dự án</b>		<b>100</b>	
7.1	Tỷ lệ chi cho ứng dụng CNTT trên tổng ngân sách được cấp trong kỳ	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.2	Tỷ lệ chi mua sắm phần cứng trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.3	Tỷ lệ chi mua sắm, xây dựng phần mềm trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.4	Tỷ lệ chi mua sắm, thuê các dịch vụ CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.5	Tỷ lệ chi đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
7.6	Tỷ lệ chi đào tạo nâng cao trình độ tin học cho CBCCVC trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
7.7	Dự án đầu tư ứng dụng CNTT và thực hiện chế độ báo cáo được quy định trong Thông tư số 12/2010/TT-BTTTT, ngày 18/05/2010 (khuyến khích)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	<b>Tổng điểm</b>		<b>1000</b>	

### PHỤ LỤC 3

## TIÊU CHÍ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM HII CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</b>		<b>100</b>	
1.1	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được trang bị máy tính	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.2	Tỷ lệ các máy tính kết nối internet	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.3	Tỷ lệ các máy tính được trang bị phần mềm diệt virus	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.4	Đơn vị có mạng cục bộ (LAN)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.5	Hệ thống an toàn báo cháy, nổ cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.6	Hệ thống an toàn chống sét cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.7	Hệ thống an toàn dữ liệu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	15	
1.8	Hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.9	Thuê dịch vụ về hạ tầng, trong đó:	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	15	
-	Máy chủ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Máy trạm	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	3	
-	Bảo trì hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	3	
-	Đặt chỗ cho trang/cổng thông tin điện tử	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	3	
-	Đặt chỗ cho thư điện tử chính thức	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	3	
<b>II</b>	<b>Ứng dụng phục vụ quản lý và điều hành</b>		<b>200</b>	
2.1	Hệ thống đào tạo và sinh viên	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	50	
2.2	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.3	Ứng dụng chữ ký số	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.4	Quản lý nhân sự	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.5	Quản lý đề tài khoa học - công nghệ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.6	Quản lý kế toán - tài chính	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.7	Quản lý tài sản	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.8	Quản lý thanh tra, khiếu nại, tố cáo	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
2.9	Thư điện tử chính thức của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	40	
-	<i>Ti lệ CBCCVC được cấp hộp thư</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa</i>	20	
-	<i>Ti lệ CBCCVC dùng hàng ngày</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa</i>	20	
2.10	Tin học hóa tiếp nhận và xử lý hồ sơ tại bộ phận một cửa	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	20	
2.11	Hệ thống hội nghị truyền hình	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	10	
2.12	Kết nối và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	10	
III	<b>Ứng dụng phục vụ chuyên ngành</b>		<b>250</b>	
3.1	<b>Trang/Cổng thông tin điện tử</b>		110	
3.1.1	Cung cấp và cập nhật thông tin	Tổng điểm các thành phần	23	
-	<i>Tin tức, sự kiện</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Thông tin chỉ đạo, điều hành</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Văn bản pháp luật và quản lý hành chính</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Báo cáo thống kê</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
3.1.2	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	<i>Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện.</i>	- <i>Có cung cấp: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
-	<i>Kết quả các chương trình, đề tài sau nghiệm thu: báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai.</i>	- <i>Có cung cấp: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
3.1.3	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	<i>Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, đã triển khai, đã hoàn tất.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
-	<i>Thông tin dự án: tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
3.1.4	Các chức năng hỗ trợ khai thác thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	21	
-	<i>Tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các tổ chức, cá nhân</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Mục Trao đổi – Hỏi đáp</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Hỗ trợ người khuyết tật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ đa phương tiện</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Hỗ trợ thiết bị di động cầm tay</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Cho phép tổ chức, cá nhân đánh giá và xếp hạng</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Theo dõi quá trình xử lý dịch vụ công trực tuyến</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
3.1.5	Chức năng hỗ trợ cho từng mục thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	16	
-	<i>Cho phép tải về văn bản quy phạm pháp luật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Cho phép đọc được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thông qua liên kết</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm..</i>	2	
-	<i>Công cụ tìm kiếm riêng cho các văn bản quy phạm pháp luật</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ tìm kiếm, tra cứu thuận tiện các dịch vụ công trực tuyến trên trang/cổng</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Công cụ đếm số lần truy cập</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm..</i>	2	
-	<i>Chức năng hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công từ mức độ 3 trở lên</i>	- <i>Có chức năng: điểm tối đa.</i> - <i>Không có chức năng: 0 điểm.</i>	3	
3.1.6	Công tác tổ chức Bảo đảm an toàn thông tin cho trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	24	
-	<i>Cơ chế xác thực, cấp phép truy cập, mã hóa thông tin, dữ liệu cho việc truy cập cần phải định danh</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Thông báo trên Trang chủ về chính sách bảo đảm an toàn thông tin cá nhân</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu (tối thiểu 01 lần/tuần)</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn thông tin</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Chính sách, thủ tục, quy trình giám sát các khâu tạo lập, xử lý và hủy bỏ dữ liệu</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	<i>Quy trình lưu trữ nhật ký (logfile) của hệ thống</i>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
-	<i>Quy trình quản lý, kiểm tra việc truy cập hệ thống</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	3	
-	<i>Hệ thống có xảy ra sự cố không?</i>	<i>Có: 50% điểm tối đa Không: điểm tối đa</i>	3	
3.1.7	Công tác tổ chức quản trị	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	10	
-	<i>Quy chế quản lý, vận hành, duy trì</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
-	<i>Thành lập ban biên tập</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
<b>3.2</b>	<b>Ứng dụng đào tạo trực tuyến</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	70	
<b>3.3</b>	<b>Ứng dụng quản lý thư viện điện tử</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	50	
<b>3.3</b>	<b>Các hệ thống ứng dụng khác</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
<b>IV</b>	<b>Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin</b>		<b>100</b>	
4.1	Nội quy, quy chế về việc bảo đảm an toàn thông tin cá nhân áp dụng cho CBCCVC trong nội bộ cơ quan.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.2	Giải pháp bảo vệ, ngăn chặn và phát hiện sớm việc truy cập trái phép vào mạng máy tính hay thiết bị lưu trữ dữ liệu.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.3	Cài đặt các ứng dụng bảo vệ như hệ thống diệt virus hay hệ thống phòng, chống truy cập trái phép.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.4	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, nâng cấp và hủy bỏ các hạ tầng kỹ thuật.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.5	Chính sách phân loại, lưu trữ, bảo vệ các danh mục bí mật nhà nước về thông tin số.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.6	Nội quy bảo đảm ATAN thông tin trong cơ quan.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.7	Cán bộ phụ trách quản lý ATAN thông tin chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.8	Quy trình giám sát, hướng dẫn và kiểm tra định kỳ việc thực hiện các biện pháp bảo đảm ATAN thông tin cho toàn hệ thống.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.9	Chính sách, thủ tục quản lý việc di chuyển các thiết bị CNTT lưu trữ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.10	Sử dụng công nghệ xác thực khi truy cập hệ thống	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.11	Giải pháp quản lý truy cập máy chủ, máy trạm	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.12	Chính sách liên quan đến việc cài đặt các phần mềm mới lên máy chủ và máy trạm	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.13	Giải pháp kỹ thuật để theo dõi tình trạng lây nhiễm và loại bỏ phần mềm độc hại ra khỏi hệ thống	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.14	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và nội quy của cơ quan về ATAN thông tin cho CBCCVC	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.15	Đào tạo cán bộ chuyên sâu về ATAN thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
4.16	Tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.17	Xây dựng kế hoạch phản ứng với các sự cố an toàn, an ninh thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
4.18	Kịch bản cụ thể trong việc phối hợp xử lý sự cố ATAN thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
<b>V</b>	<b>Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin</b>		<b>120</b>	
5.1	Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 5 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.3	Gắn kết giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính	Tổng điểm thành phần	20	
-	<i>Có quy định Các quy trình, thủ tục xử lý công việc trong cơ quan phải có thể được tin học hóa</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
-	<i>Thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO để ứng dụng CNTT</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.4	Quy định khuyến khích ứng dụng CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.5	Quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ trường và các đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.6	Quy định về quản lý, sử dụng hệ thống TĐT của trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.7	Quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.8	Quy định về phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT trong trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.9	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.10	Quy định về chế độ ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	



TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.11	Quy định về các vấn đề khác liên quan đến ứng dụng CNTT	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
<b>VI</b>	<b>Nhân lực CNTT</b>		<b>150</b>	
6.1	Có đơn vị/bộ phận chuyên trách về CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	20	
6.2	Tỷ lệ CBCT về CNTT trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.3	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Tiến sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	30	
6.4	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Thạc sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.5	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Đại học trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
6.6	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Cao đẳng trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	7	
6.7	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Trung cấp trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
6.8	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ khác trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3	
6.9	Tỷ lệ CBCT về CNTT được đào tạo nâng cao trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.10	Tỷ lệ CBCCVC được đào tạo về tin học trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
<b>VII</b>	<b>Đầu tư và các dự án</b>		<b>80</b>	
7.1	Tỷ lệ chi cho ứng dụng CNTT trên tổng ngân sách được cấp trong kỳ	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.2	Tỷ lệ chi mua sắm phần cứng trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.3	Tỷ lệ chi mua sắm, xây dựng phần mềm trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
7.4	Tỷ lệ chi mua sắm, thuê các dịch vụ CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.5	Tỷ lệ chi đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.6	Tỷ lệ chi đào tạo nâng cao trình độ tin học cho CBCCVC trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.7	Dự án đầu tư ứng dụng CNTT và thực hiện chế độ báo cáo được quy định trong Thông tư số 12/2010/TT-BTTTT, ngày 18/05/2010 (khuyến khích)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
	<b>Tổng điểm</b>		<b>1000</b>	

## PHỤ LỤC 4

### TIÊU CHÍ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM HII CÁC VIỆN VÀ TRUNG TÂM

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</b>		<b>100</b>	
1.1	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được trang bị máy tính	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.2	Tỷ lệ các máy tính kết nối internet	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.3	Tỷ lệ các máy tính được trang bị phần mềm diệt virus	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.4	Đơn vị có mạng cục bộ (LAN)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.5	Hệ thống an toàn báo cháy, nổ cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.6	Hệ thống an toàn chống sét cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.7	Hệ thống an toàn dữ liệu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	15	
1.8	Hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.9	Thuê dịch vụ về hạ tầng, trong đó:	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	15	
-	Máy chủ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Máy trạm	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Bảo trì hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Đặt chỗ cho trang/cổng thông tin điện tử	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
-	Đặt chỗ cho thư điện tử chính thức	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	3	
<b>II</b>	<b>Ứng dụng phục vụ quản lý và điều hành</b>		<b>250</b>	
2.1	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.2	Ứng dụng chữ ký số	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.3	Quản lý nhân sự	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.4	Quản lý đề tài khoa học - công nghệ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.5	Quản lý kế toán - tài chính	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	30	
2.6	Quản lý tài sản	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
2.7	Quản lý thanh tra, khiếu nại, tố cáo	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	20	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
2.8	Thu điện tử chính thức của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	40	
-	<i>Tỉ lệ CBCCVC được cấp hộp thư</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa</i>	20	
-	<i>Tỉ lệ CBCCVC dùng hàng ngày</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa</i>	20	
2.9	Hệ thống hội nghị truyền hình	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	20	
<b>III</b>	<b>Ứng dụng phục vụ chuyên ngành</b>		<b>250</b>	
<b>3.1</b>	<b>Trang/Cổng thông tin điện tử</b>		<b>110</b>	
3.1.1	Cung cấp và cập nhật thông tin	Tổng điểm các thành phần	23	
-	<i>Tin tức, sự kiện</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Thông tin chỉ đạo, điều hành</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Văn bản pháp luật và quản lý hành chính</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Báo cáo thống kê</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	5	
3.1.2	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	<i>Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện.</i>	- <i>Có cung cấp: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
-	<i>Kết quả các chương trình, đề tài sau nghiệm thu: báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai.</i>	- <i>Có cung cấp: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
3.1.3	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	<i>Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, đã triển khai, đã hoàn tất.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
-	<i>Thông tin dự án: tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
3.1.4	Các chức năng hỗ trợ khai thác thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	21	
-	Tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các tổ chức, cá nhân	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Mục Trao đổi – Hỏi đáp	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Hỗ trợ người khuyết tật	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Công cụ đa phương tiện	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Hỗ trợ thiết bị di động cầm tay	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Cho phép tổ chức, cá nhân đánh giá và xếp hạng	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Theo dõi quá trình xử lý dịch vụ công trực tuyến	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
3.1.5	Chức năng hỗ trợ cho từng mục thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	16	
-	Cho phép tải về văn bản quy phạm pháp luật	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Cho phép đọc được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thông qua liên kết	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm..	2	
-	Công cụ tìm kiếm riêng cho các văn bản quy phạm pháp luật	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Công cụ tìm kiếm, tra cứu thuận tiện các dịch vụ công trực tuyến trên trang/cổng	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Công cụ đếm số lần truy cập	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm..	2	
-	Chức năng hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công từ mức độ 3 trở lên	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
3.1.6	Công tác tổ chức Bảo đảm an toàn thông tin cho trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	24	
-	Cơ chế xác thực, cấp phép truy cập, mã hóa thông tin, dữ liệu cho việc truy cập cần phải định danh	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Thông báo trên Trang chủ về chính sách bảo đảm an toàn thông tin cá nhân	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu (tối thiểu 01 lần/tuần)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn thông tin	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Chính sách, thủ tục, quy trình giám sát các khâu tạo lập, xử lý và hủy bỏ dữ liệu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Quy trình lưu trữ nhật ký (logfile) của hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Quy trình quản lý, kiểm tra việc truy cập hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Hệ thống có xảy ra sự cố không?	Có: 50% điểm tối đa Không: điểm tối đa	3	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
3.1.7	Công tác tổ chức quản trị	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	10	
-	<i>Quy chế quản lý, vận hành, duy trì</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
-	<i>Thành lập ban biên tập</i>	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
<b>3.2</b>	<b>Ứng dụng đào tạo trực tuyến</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	70	
<b>3.3</b>	<b>Ứng dụng quản lý thư viện điện tử</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	50	
<b>3.3</b>	<b>Các hệ thống ứng dụng khác</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
<b>IV</b>	<b>Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin</b>		<b>100</b>	
4.1	Nội quy, quy chế về việc bảo đảm an toàn thông tin cá nhân áp dụng cho CBCCVC trong nội bộ cơ quan.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.2	Giải pháp bảo vệ, ngăn chặn và phát hiện sớm việc truy cập trái phép vào mạng máy tính hay thiết bị lưu trữ dữ liệu.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.3	Cài đặt các ứng dụng bảo vệ như hệ thống diệt virus hay hệ thống phòng, chống truy cập trái phép.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.4	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, nâng cấp và hủy bỏ các hạ tầng kỹ thuật.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.5	Chính sách phân loại, lưu trữ, bảo vệ các danh mục bí mật nhà nước về thông tin số.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.6	Nội quy bảo đảm ATAN thông tin trong cơ quan.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.7	Cán bộ phụ trách quản lý ATAN thông tin chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.8	Quy trình giám sát, hướng dẫn và kiểm tra định kỳ việc thực hiện các biện pháp bảo đảm ATAN thông tin cho toàn hệ thống.	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.9	Chính sách, thủ tục quản lý việc di chuyển các thiết bị CNTT lưu trữ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.10	Sử dụng công nghệ xác thực khi truy cập hệ thống	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.11	Giải pháp quản lý truy cập máy chủ, máy trạm	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.12	Chính sách liên quan đến việc cài đặt các phần mềm mới lên máy chủ và máy trạm	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.13	Giải pháp kỹ thuật để theo dõi tình trạng lây nhiễm và loại bỏ phần mềm độc hại ra khỏi hệ thống	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.14	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và nội quy của cơ quan về ATAN thông tin cho CBCCVC	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
4.15	Đào tạo cán bộ chuyên sâu về ATAN thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
4.16	Tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
4.17	Xây dựng kế hoạch phản ứng với các sự cố an toàn, an ninh thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
4.18	Kịch bản cụ thể trong việc phối hợp xử lý sự cố ATAN thông tin	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	5	
<b>V</b>	<b>Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin</b>		<b>100</b>	
5.1	Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 5 năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: <i>chấm điểm tối đa.</i></li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: <i>chấm 70% điểm tối đa.</i></li> <li>- Không khai báo: <i>0 điểm.</i></li> </ul>	10	
5.2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: <i>chấm điểm tối đa.</i></li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: <i>chấm 70% điểm tối đa.</i></li> <li>- Không khai báo: <i>0 điểm.</i></li> </ul>	10	
5.3	Gắn kết giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính	Tổng điểm thành phần	10	
-	<i>Có quy định Các quy trình, thủ tục xử lý công việc trong cơ quan phải có thể được tin học hóa</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: <i>chấm điểm tối đa.</i></li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: <i>chấm 70% điểm tối đa.</i></li> <li>- Không khai báo: <i>0 điểm.</i></li> </ul>	5	
-	<i>Thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO để ứng dụng CNTT</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: <i>chấm điểm tối đa.</i></li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: <i>chấm 70% điểm tối đa.</i></li> <li>- Không khai báo: <i>0 điểm.</i></li> </ul>	5	
5.4	Quy định khuyến khích ứng dụng CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: <i>chấm điểm tối đa.</i></li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: <i>chấm 70% điểm tối đa.</i></li> <li>- Không khai báo: <i>0 điểm.</i></li> </ul>	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.5	Quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ viện/trung tâm và các đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.6	Quy định về quản lý, sử dụng hệ thống TĐT của viện/trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.7	Quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của viện/trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	5	
5.8	Quy định về phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT trong viện/trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.9	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.10	Quy định về chế độ ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.11	Quy định về các vấn đề khác liên quan đến ứng dụng CNTT	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	5	
<b>VI</b>	<b>Nhân lực CNTT</b>		<b>100</b>	
6.1	Có đơn vị/bộ phận chuyên trách về CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
6.2	Tỷ lệ CBCT về CNTT trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.3	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Tiến sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.4	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Thạc sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.5	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Đại học trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.6	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Cao đẳng trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.7	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Trung cấp trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.8	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ khác trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.9	Tỷ lệ CBCT về CNTT được đào tạo nâng cao trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.10	Tỷ lệ CBCCVC được đào tạo về tin học trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
<b>VII</b>	<b>Đầu tư và các dự án</b>		<b>100</b>	
7.1	Tỷ lệ chi cho ứng dụng CNTT trên tổng ngân sách được cấp trong kỳ	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.2	Tỷ lệ chi mua sắm phần cứng trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.3	Tỷ lệ chi mua sắm, xây dựng phần mềm trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.4	Tỷ lệ chi mua sắm, thuê các dịch vụ CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.5	Tỷ lệ chi đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
7.6	Tỷ lệ chi đào tạo nâng cao trình độ tin học cho CBCCVC trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
7.7	Dự án đầu tư ứng dụng CNTT và thực hiện chế độ báo cáo được quy định trong Thông tư số 12/2010/TT-BTTTT, ngày 18/05/2010 (khuyến khích)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	<b>Tổng điểm</b>		<b>1000</b>	



**PHỤ LỤC 5**  
**TIÊU CHÍ VÀ CÁCH TÍNH ĐIỂM HII**  
**CÁC BỆNH VIỆN VÀ VIỆN CÓ GIƯỜNG BỆNH**

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</b>		<b>150</b>	
1.1	Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức được trang bị máy tính	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.2	Tỷ lệ các máy tính kết nối internet	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.3	Tỷ lệ các máy tính được trang bị phần mềm diệt virus	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
1.4	Đơn vị có mạng cục bộ (LAN)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
1.5	Đơn vị có phòng máy chủ riêng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
1.6	Hệ thống an toàn báo cháy, nổ cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
1.7	Hệ thống an toàn chống sét cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
1.8	Hệ thống an toàn dữ liệu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
1.9	Hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	20	
1.10	Thuê dịch vụ về hạ tầng, trong đó:	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	25	
-	Máy chủ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Điểm thành phần)	5	
-	Máy trạm	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	5	
-	Bảo trì hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	5	
-	Đặt chỗ cho trang/cổng thông tin điện tử	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	5	
-	Đặt chỗ cho thư điện tử chính thức	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm Điểm thành phần	5	
<b>II</b>	<b>Ứng dụng phục vụ quản lý và điều hành</b>		<b>150</b>	
2.1	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.2	Ứng dụng chữ ký số	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.3	Quản lý nhân sự	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.4	Quản lý đề tài khoa học - công nghệ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.5	Quản lý kế toán - tài chính	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.6	Quản lý tài sản	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
2.7	Quản lý thanh tra, khiếu nại, tố cáo	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
2.8	Thư điện tử chính thức của cơ quan	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	30	
-	<i>Tỉ lệ CBCCVC được cấp hộp thư</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa</i>	15	
-	<i>Tỉ lệ CBCCVC dùng hàng ngày</i>	<i>Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa</i>	15	
2.9	Hệ thống quản lý, tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm.	50	
<b>III</b>	<b>Ứng dụng phục vụ chuyên ngành</b>		<b>280</b>	
<b>3.1</b>	<b>Trang/Cổng thông tin điện tử</b>		<b>110</b>	
3.1.1	Cung cấp và cập nhật thông tin	Tổng điểm các thành phần	23	
-	<i>Tin tức, sự kiện</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Thông tin chỉ đạo, điều hành</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Văn bản pháp luật và quản lý hành chính</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Lấy ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	3	
-	<i>Báo cáo thống kê</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không đầy đủ: 50% điểm tối đa</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	5	
3.1.2	Thông tin về chương trình nghiên cứu, đề tài khoa học	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	<i>Danh mục các chương trình, đề tài bao gồm: mã số, tên, cấp quản lý, lĩnh vực, đơn vị chủ trì, thời gian thực hiện.</i>	- <i>Có cung cấp: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
-	<i>Kết quả các chương trình, đề tài sau nghiệm thu: báo cáo tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai.</i>	- <i>Có cung cấp: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
3.1.3	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	8	
-	<i>Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, đã triển khai, đã hoàn tất.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	
-	<i>Thông tin dự án: tên dự án, mục tiêu chính, lĩnh vực chuyên môn, loại dự án, thời gian thực hiện, kinh phí dự án, loại hình tài trợ, nhà tài trợ, tình trạng dự án.</i>	- <i>Cung cấp đầy đủ: điểm tối đa.</i> - <i>Không cung cấp: 0 điểm.</i>	4	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
3.1.4	Các chức năng hỗ trợ khai thác thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	21	
-	Tiếp nhận, phản hồi thông tin từ các tổ chức, cá nhân	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Mục Trao đổi – Hỏi đáp	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Hỗ trợ người khuyết tật	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Công cụ đa phương tiện	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Hỗ trợ thiết bị di động cầm tay	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Cho phép tổ chức, cá nhân đánh giá và xếp hạng	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Theo dõi quá trình xử lý dịch vụ công trực tuyến	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
3.1.5	Chức năng hỗ trợ cho từng mục thông tin trên trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	16	
-	Cho phép tải về văn bản quy phạm pháp luật	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Cho phép đọc được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thông qua liên kết	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm..	2	
-	Công cụ tìm kiếm riêng cho các văn bản quy phạm pháp luật	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Công cụ tìm kiếm, tra cứu thuận tiện các dịch vụ công trực tuyến trên trang/cổng	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
-	Công cụ đếm số lần truy cập	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm..	2	
-	Chức năng hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với mỗi dịch vụ công từ mức độ 3 trở lên	- Có chức năng: điểm tối đa. - Không có chức năng: 0 điểm.	3	
3.1.6	Công tác tổ chức Bảo đảm an toàn thông tin cho trang/cổng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	24	
-	Cơ chế xác thực, cấp phép truy cập, mã hóa thông tin, dữ liệu cho việc truy cập cần phải định danh	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Thông báo trên Trang chủ về chính sách bảo đảm an toàn thông tin cá nhân	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu (tối thiểu 01 lần/tuần)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn thông tin	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Chính sách, thủ tục, quy trình giám sát các khâu tạo lập, xử lý và hủy bỏ dữ liệu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Quy trình lưu trữ nhật ký (logfile) của hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Quy trình quản lý, kiểm tra việc truy cập hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Hệ thống có xảy ra sự cố không?	Có: 50% điểm tối đa Không: điểm tối đa	3	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
3.1.7	Công tác tổ chức quản trị	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	10	
-	Quy chế quản lý, vận hành, duy trì	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
-	Thành lập ban biên tập	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
<b>3.2</b>	<b>Hệ thống thông tin bệnh viện</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	<b>130</b>	
3.2.1	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác báo cáo bệnh viện	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	20	
-	Ứng dụng phần mềm báo cáo thống kê bệnh viện (theo quy định của Bộ Y tế và cơ quan quản lý)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
-	Kết xuất trực tiếp từ phần mềm các thông tin phục vụ báo cáo, nghiên cứu... như mô hình bệnh tật nhập, xuất viện; cơ cấu tài chính, thuốc, vật tư... theo năm, quý, tháng, tuần, ngày.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
3.2.2	Ứng dụng CNTT cho hoạt động khám, chữa bệnh	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm (Tổng điểm các thành phần)	110	
-	Hệ thống đáp ứng đầy đủ biểu mẫu ghi chép, hồ sơ bệnh án của Bộ Y tế	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
-	Danh mục thống nhất toàn bệnh viện về giá dịch vụ kỹ thuật y tế	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
-	Áp dụng hệ thống mã, danh mục dùng lâm sàng	(Tổng điểm các thành phần)	12	
	+ Mã bệnh tật, tử vong ICD10	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Danh mục phẫu thuật, thủ thuật	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Danh mục thuốc tân dược	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Danh mục vật tư y tế	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Danh mục thuốc YHCT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Danh mục các dịch vụ cận lâm sàng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
-	Hệ thống có các phân hệ phần mềm	(Tổng điểm các thành phần)	34	
	+ Quản trị Hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Lịch hẹn khám	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý tiếp đón bệnh nhân	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý khoa/phòng khám bệnh	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Khoa cấp cứu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Xét nghiệm, CDHA, TDCN	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Bệnh nhân nội trú	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Bệnh nhân ngoại trú	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Dược bệnh viện	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Chi định/y lệnh	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Viện phí, thanh toán BHYT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Hóa chất & vật tư tiêu hao	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Hạ tầng kỹ thuật và TTB BV	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý thống kê số liệu bệnh viện	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Hỗ trợ ra quyết định trong khám và điều trị	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Ngân hàng máu	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
	+ Quản lý Dinh dưỡng	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	2	
-	Có phần mềm kết nối với các máy y tế	(Tổng điểm các thành phần)	9	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
	+ Máy chẩn đoán hình ảnh (MRI, CT-scanner, CT-conbeam, Pet-CT; siêu âm)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
	+ Máy xét nghiệm hóa sinh, huyết học, miễn dịch, dị ứng, máy đọc kháng sinh đồ	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
	+ Máy thăm dò chức năng (nội soi các loại, điện tim, điện não, lưu huyết não)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	3	
-	Bệnh án điện tử	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
-	Khả năng trao đổi hồ sơ bệnh án điện tử với hệ thống thông tin của các bệnh viện khác	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
-	Có chứng thực điện tử (chữ ký điện tử/vân tay/mã số...)	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
-	Khả năng kết nối phần mềm giữa Khám, chữa bệnh và Thanh toán bảo hiểm y tế	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
<b>3.3</b>	<b>Ứng dụng quản lý thư viện điện tử</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	<b>30</b>	
<b>3.3</b>	<b>Các hệ thống ứng dụng khác</b>	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	<b>10</b>	
<b>IV</b>	<b>Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin</b>		<b>100</b>	
4.1	Nội quy, quy chế về việc bảo đảm an toàn thông tin cá nhân áp dụng cho CBCCVC trong nội bộ cơ quan.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.2	Giải pháp bảo vệ, ngăn chặn và phát hiện sớm việc truy cập trái phép vào mạng máy tính hay thiết bị lưu trữ dữ liệu.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.3	Cài đặt các ứng dụng bảo vệ như hệ thống diệt virus hay hệ thống phòng, chống truy cập trái phép.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.4	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin trong quá trình thiết kế, xây dựng, vận hành, nâng cấp và hủy bỏ các hạ tầng kỹ thuật.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.5	Chính sách phân loại, lưu trữ, bảo vệ các danh mục bí mật nhà nước về thông tin số.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.6	Nội quy bảo đảm ATAN thông tin trong cơ quan.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.7	Cán bộ phụ trách quản lý ATAN thông tin chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.8	Quy trình giám sát, hướng dẫn và kiểm tra định kỳ việc thực hiện các biện pháp bảo đảm ATAN thông tin cho toàn hệ thống.	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.9	Chính sách, thủ tục quản lý việc di chuyển các thiết bị CNTT lưu trữ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.10	Sử dụng công nghệ xác thực khi truy cập hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.11	Giải pháp quản lý truy cập máy chủ, máy trạm	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.12	Chính sách liên quan đến việc cài đặt các phần mềm mới lên máy chủ và máy trạm	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.13	Giải pháp kỹ thuật để theo dõi tình trạng lây nhiễm và loại bỏ phần mềm độc hại ra khỏi hệ thống	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
4.14	Tổ chức phổ biến các quy định của pháp luật và nội quy của cơ quan về ATAN thông tin cho CBCCVC	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.15	Đào tạo cán bộ chuyên sâu về ATAN thông tin	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
4.16	Tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống CNTT	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
4.17	Xây dựng kế hoạch phản ứng với các sự cố an toàn, an ninh thông tin	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	10	
4.18	Kịch bản cụ thể trong việc phối hợp xử lý sự cố ATAN thông tin	Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm	5	
<b>V</b>	<b>Cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng công nghệ thông tin</b>		<b>100</b>	
5.1	Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 5 năm	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.2	Kế hoạch ứng dụng CNTT trong năm	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.3	Gắn kết giữa ứng dụng CNTT với cải cách hành chính	Tổng điểm thành phần	10	
-	Có quy định Các quy trình, thủ tục xử lý công việc trong cơ quan phải có thể được tin học hóa	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	5	
-	Thủ tục hành chính được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO để ứng dụng CNTT	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	5	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.4	Quy định khuyến khích ứng dụng CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.5	Quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ viện/trung tâm và các đơn vị trực thuộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.6	Quy định về quản lý, sử dụng hệ thống TĐT của viện/trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.7	Quy định nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin trong hoạt động của viện/trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	5	
5.8	Quy định về phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT trong viện/trung tâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	
5.9	Quy định về bảo đảm ATAN thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa.</li> <li>- Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa.</li> <li>- Không khai báo: 0 điểm.</li> </ul>	10	

TT	Tiêu chí	Phương pháp tính điểm	Điểm tối đa	Ghi chú
5.10	Quy định về chế độ ưu đãi đối với cán bộ chuyên trách CNTT	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	10	
5.11	Quy định về các vấn đề khác liên quan đến ứng dụng CNTT	- Có ban hành văn bản và cung cấp đầy đủ số, ký hiệu văn bản, đường liên kết đến văn bản: chấm điểm tối đa. - Có ban hành văn bản nhưng không khai báo số ký hiệu văn bản hoặc đường liên kết: chấm 70% điểm tối đa. - Không khai báo: 0 điểm.	5	
<b>VI</b>	<b>Nhân lực CNTT</b>		<b>120</b>	
6.1	Có đơn vị/bộ phận chuyên trách về CNTT	<i>Có: điểm tối đa. Không: 0 điểm</i>	10	
6.2	Tỷ lệ CBCT về CNTT trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.3	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Tiến sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.4	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Thạc sỹ trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
6.5	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Đại học trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
6.6	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Cao đẳng trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	7	
6.7	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ Trung cấp trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	5	
6.8	Tỷ lệ CBCT về CNTT có trình độ khác trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	3	
6.9	Tỷ lệ CBCT về CNTT được đào tạo nâng cao trên tổng số CBCT về CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
6.10	Tỷ lệ CBCCVC được đào tạo về tin học trên tổng số CBCCVC trong đơn vị	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
<b>VII</b>	<b>Đầu tư và các dự án</b>		<b>100</b>	
7.1	Tỉ lệ chi cho ứng dụng CNTT trên tổng ngân sách được cấp trong kỳ	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.2	Tỷ lệ chi mua sắm phần cứng trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.3	Tỷ lệ chi mua sắm, xây dựng phần mềm trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	20	
7.4	Tỷ lệ chi mua sắm, thuê các dịch vụ CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
7.5	Tỷ lệ chi đào tạo cán bộ chuyên trách CNTT trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	



<b>TT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Phương pháp tính điểm</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Ghi chú</b>
7.6	Tỷ lệ chi đào tạo nâng cao trình độ tin học cho CBCCVC trên tổng ngân sách được cấp cho CNTT	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	15	
7.7	Dự án đầu tư ứng dụng CNTT và thực hiện chế độ báo cáo được quy định trong Thông tư số 12/2010/TT-BTTTT, ngày 18/05/2010 (khuyến khích)	Điểm = Tỷ lệ x Điểm tối đa	10	
	<b>Tổng điểm</b>		<b>1000</b>	